

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2024/DS-PT

Ngày 23-7-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán:

Ông Mai Anh Tuấn

Ông Nguyễn Thành Công

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định có kháng nghị và kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 221/2024/QĐ-PT ngày 02-5-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐ-PT ngày 20-5-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐ-PT ngày 17-6-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2024/QĐ-PT ngày 04-7-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐ-PT ngày 11-7-2024 giữa các đương sự:

I. *Nguyên đơn:* Ông Lưu Văn T (tức C), sinh năm 1969 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1969. Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Văn T và bà Đỗ Thị T là ông Lưu Xuân Th, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

II. *Bị đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1949; Địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị B là NLQ4, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 26, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Tạm trú:

Phòng 5A07 Tòa Trung R phường H, quận H, Thành phố Hà Nội. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03-5-2024).

III. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ 8, phường P, quận L, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1 là NLQ4, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 26, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Tạm trú: Phòng 5A07 Tòa Trung R phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

2. NLQ2, sinh năm 1979, địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

3. NLQ3, sinh năm 1977. Người đại diện theo ủy quyền của NLQ3 là NLQ2, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

4. NLQ4, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 26, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Tạm trú: Phòng 5A07 Tòa Trung R phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Ông Thủy, NLQ2, NLQ4 có mặt. Ông T, bà T, bà B, NLQ1, NLQ3 vắng mặt nhưng đều đã có ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày: Gia đình ông T bà T có thửa đất với diện tích là 600m² tại xóm 2 xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, nguồn gốc thửa đất là của cụ Lưu Văn Cương (ông nội ông T) để lại. Thửa đất có 01 ngõ đi rộng 2,4m dài 26,7m ra đường trục xã, ngõ đi trước kia là bờ ao nhà ông T. Ngõ đi đã có từ lâu đời, gia đình ông đã sử dụng từ ngày ông còn nhỏ. Bờ ao lúc đó là đất công ích, không thuộc quyền sở hữu về ai, sau này nhà nước mới cấp thổ cho các hộ gia đình. Bờ ao này được quy hoạch vào ngõ đi chung và thể hiện trên bản đồ địa chính. Sau khi nhà nước quy hoạch thì đã được thể hiện trên bản đồ địa chính xã năm 2004. Ngõ đi này là của 04 hộ gia đình. Cụ thể hộ ông Lưu Văn T; hộ ông Lưu Văn Phi (tức Lưu Thanh Phi); hộ ông Lưu Văn Rong (bố chồng của bà B) và hộ ông Lưu Văn Thái (chồng bà B). Đến năm 2020, gia đình bà B tự xây bít ngõ đi nên gia đình ông không thể đi lại được nữa, gây bất tiện trong sinh hoạt. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình bà B phải trả lại ngõ đi chung cho các hộ gia đình trong xóm. Thực tế ngõ đi này đã được sử dụng từ thời ông còn nhỏ, sau khi ông lập gia đình với bà T thì được tổ chức cưới hỏi và đón dâu đi qua phần ngõ đi chung này để vào nhà. Khi ông Thái tôn tạo thành ngõ thì ông có đề nghị đóng góp tiền để cùng nhà ông Thái làm ngõ nhưng nhà ông Thái không lấy tiền. Nay ông Th, ông T yêu cầu gia đình bà B phải phá dỡ bức tường do gia đình bà B đã xây chắn lối đi nhà ông và xây trên phần diện tích đất nhà ông.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Trần Thị B, người đại diện theo ủy quyền của bà B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, NLQ4 và NLQ2 thống nhất trình bày: Gia đình bà B có thửa đất số 1320 tờ bản đồ số 1b lập năm 1986 diện tích 180m² là đất thổ cư có nguồn gốc do vợ chồng bà B mua năm 1986. Ngày 28-12-2004 thửa đất được Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên ông Thái (chồng bà B). Diện tích được cấp là 700m² (theo đơn đề nghị của ông Thái là 180m² theo bản đồ 299 + 520m² đất % do gia đình ông là gia đình có công với cách mạng). Thời điểm ông Thái còn sống thì ông Thái tự mở một ngõ đi trên diện tích đất của gia đình để gia đình ông và gia đình cụ Lưu Văn Rong (là bố ông Thái) đi lại sinh hoạt. Sau này gia đình ông T phá dậu râm bụt là ranh giới giữa các hộ và tự ý đi vào ngõ nhà ông Thái đến tháng 10-2020. Ngõ đi cũ nhà ông T là ngõ đi chung của các hộ ông Ruy, ông Hoàn, ông Khoan cùng một số hộ khác theo bản đồ 299 lập năm 1986 có thể hiện ngõ đi này. Vì vậy, bị đơn không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông T bà T. Toàn bộ diện tích ngõ này là ngõ đi riêng của hộ nhà bà B.

Ông Lưu Thanh Phi nộp bản tự khai và xác định ông không sử dụng ngõ đi này, không có tranh chấp gì nên ông không có liên quan gì trong vụ án tranh chấp giữa ông T và bà B.

Ông Lưu Văn Khoan và ông Lưu Thế Sơn cung cấp lời khai thể hiện ông là con trai của ông Lưu Văn Rong và được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Lưu Văn Rong để lại. Hiện nay các ông không sử dụng phần ngõ đi trên và xác định không liên quan gì tới vụ án tranh chấp ngõ đi trên. Tuy nhiên các ông xác nhận trước kia là phần bờ ao và bờ ruộng của nhà ông Thái để đi ra khu vệ sinh nên chỉ có ông Thái và ông Rong sử dụng, sau đó ông Thái và bà B cùng tôn tạo thành ngõ đi riêng mà không ai có ý kiến gì. Các ông xác định đây là ngõ đi riêng của hộ bà B do ông Thái bà B tôn tạo lên và chỉ cho hộ ông T bà T đi nhờ diện tích đất trên.

Ông Lưu Văn Đoàn có bản tự khai trình bày, khi ông bán đất cho ông Phi có để lại một mét đất chiều rộng để làm ngõ đi chung cho các hộ để ngõ rộng ra dễ đi lại.

Các văn bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thái đều thể hiện trước đây không có ngõ đi chung giữa các hộ gia đình mà là ngõ đi riêng của gia đình ông Thái, bà B. Văn bản chuyển quyền sử dụng đất giữa ông Đoàn và ông Phi thể hiện các cạnh, theo đó đất nhà ông Phi giáp đất nhà ông Thái, bà B, không có ngõ đi.

Do không tự thỏa thuận được với nhau về đường lối giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định và định giá tài sản. Tại biên bản xem xét

thẩm định ngày 23-02-2023 xác định hiện trạng sử dụng đất của các hộ thì thửa đất số 1320, tờ bản đồ số 1b hộ ông Lưu Hồng Thái hiện đang sử dụng 700m². Thửa đất số 221, tờ bản đồ số 1b hộ ông Lưu Văn T hiện đang sử dụng 587m². Ngõ đi đang tranh chấp có chiều dài đông tây là 26,4m; chiều rộng bắc Nam là 1,5m; tổng diện tích 42,4m². Giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường là 2.000.000đồng/m².

Từ nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 105; 106; 107; 163; 164; 207; 208 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 100 luật đất đai năm 2013; Căn cứ các Điều 26, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định phần ngõ đi là diện tích đất thuộc thửa số 1320 tờ bản đồ số 1b lập năm 1986 diện tích 180m² đất thổ cư. Thửa đất được Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28-12-2004 đứng tên ông Thái bà B diện tích là 700m². Kiến nghị Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên - Môi trường, tỉnh Nam Định chỉnh lý bản đồ địa chính năm 2004 xã Nghĩa Thái theo hồ sơ 299 bản đồ lập năm 1986 xã Nghĩa Thái.

Buộc gia đình bà B phải phá dỡ bức tường xây đè lên phần đất nhà ông T. Ranh giới thửa đất giữa nhà ông T và nhà bà B được xác định từ điểm số 5 đến điểm số 7 theo biên bản khảo sát thửa đất nhà ông T, bà B (có Sơ đồ kèm theo). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19-12-2023, ông Lưu Xuân Th là người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Văn T và bà Đỗ Thị T làm đơn kháng cáo. Không nhất trí với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 29-12-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định theo hướng sửa bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Văn T và bà Đỗ Thị T là ông Lưu Xuân Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Do không đồng ý phán quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do. Ngõ đi trước kia là bờ ao nhà ông T, ngõ đi đã có từ lâu đời, gia đình ông T

đã sử dụng từ ngày còn nhỏ. Bờ ao lúc đó là đất công ích, không thuộc quyền sở hữu về ai, sau này nhà nước mới cấp thổ cho các hộ gia đình. Bờ ao này được quy hoạch vào ngõ đi chung và thể hiện trên bản đồ địa chính. Ngoài ra, tại sổ dã ngoại cũng thể hiện ông Thái đã ký giáp danh khi được cấp GCNQSDĐ. Sau khi nhà nước quy hoạch thì đã được thể hiện trên bản đồ địa chính xã năm 2004, ngõ đi này là của 04 hộ gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, khi khảo sát đo đạc thì diện tích đất nhà bà B thừa so với GCNQSDĐ đã cấp. Nay ông đề nghị Tòa án buộc gia đình bà B phải trả lại ngõ đi chung cho các hộ gia đình trong xóm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 284 BLTTDS để đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NLQ4 là người đại diện theo ủy quyền của các đương sự phía bị đơn và đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh không nhất trí với kháng cáo của ông Lưu Xuân Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NLQ2 là người đại diện theo ủy quyền của các đương sự và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày nhất trí với quan điểm của NLQ4. Đề nghị HĐXX giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm và xét đơn kháng cáo của Ông Lưu Xuân Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, VKSND tỉnh Nam Định thấy rằng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu thu thập lưu hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa thì đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 284; khoản 1 Điều 308 BLTTDS, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của của ông Lưu Xuân Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Kiến nghị HĐXX phúc thẩm rút kinh nghiệm với Tòa án cấp sơ thẩm vì HĐXX sơ thẩm sử dụng quan điểm của người làm chứng nhưng không đưa người làm chứng vào phần người tham gia tố tụng của bản án.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Lưu Xuân Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276; Điều 278; Điều 279; Điều 280 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn, bị đơn và tài sản tranh chấp trong vụ án là diện tích đất ngõ để sử dụng đi chung đều có địa chỉ tại Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp quyền sử dụng đất quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Vì khoản 5 Điều 26 BLTTDS là tranh chấp về thừa kế tài sản. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp quyền sử dụng đất.

[3] Về thủ tục tố tụng: Xét việc ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Xét sự vắng mặt của một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên HĐXX căn cứ Điều 296 của BLTTDS vẫn tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt đương sự là đúng quy định pháp luật.

[4] Xét việc rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 289 BLTTDS, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

[5] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc xác định phần đất đang tranh chấp có chiều dài đông tây là 26,4m; chiều rộng bắc Nam là 1,5m; tổng diện tích 42,4m² để xác định đây là ngõ đi chung của các hộ gia đình trong xóm. HĐXX xét thấy:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả đo đạc, khảo sát cũng như các tài liệu do địa phương cung cấp, quá trình tố tụng tại Tòa án, HĐXX phúc thẩm xác định các bên đương sự có tranh chấp với nhau

phần diện tích ở phía Nam thổ đất của hộ gia đình bà B. Căn cứ theo kết quả xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, lời trình bày phía bị đơn và người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì đều xác định toàn bộ phần đất đang tranh chấp có chiều dài Đông Tây là 26,4m; chiều rộng bắc Nam là 1,5m; tổng diện tích 42,4m² là ngõ đi riêng của nhà bà B, gia đình tự hình thành ngõ đi này. Căn cứ hồ sơ cấp GCNQSDĐ của hộ dân trong xóm, chính quyền địa phương đã căn cứ trên cơ sở hồ sơ 299 bản đồ lập năm 1986 và bản đồ địa chính lập năm 2004 xã Nghĩa Thái. Tuy nhiên, chính quyền địa phương đã dựa trên bản đồ 299 lập năm 1986 của xã Nghĩa Thái để làm căn cứ xác định quyền sử dụng đất của các hộ dân, cũng tại hồ sơ 299 thể hiện thì phần ngõ đi đang tranh chấp chưa hình thành. Diện tích đất ngõ này vẫn đang thuộc sở hữu của thửa đất số 1320 với diện tích 180m² loại đất là đất ở và thuộc quyền sử dụng của hộ ông Thái, bà B. Cũng tại thời điểm này thửa đất số 1320 với diện tích 180m² thể hiện phần tiếp giáp trực tiếp và liền thổ với thửa đất của hộ ông Lưu Văn Đoan (ông Đoan đã bán lại cho ông Lưu Thanh Phi). Sau này, gia đình ông Thái bà B tự đề ra một phần đất và tôn tạo, sửa chữa làm lối đi riêng cho gia đình. Xuất phát từ việc có lối đi này và quá trình giải quyết vụ án, ông Lưu Văn Đoan xác nhận đã để lại 01m đất chiều rộng chạy dài theo ngõ để góp vào làm ngõ đi chung như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, tại đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đoan với ông Phi (BL34) cũng như hồ sơ địa chính lưu tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thái vẫn thể hiện phía Bắc thổ đất nhà ông Đoan giáp liền với đất ông Thái, không thể hiện có ngõ đi cũng như không có việc để lại phần diện tích đất làm ngõ đi như ông Đoan trình bày.

Trên tờ bản đồ địa chính lập năm 2004 của xã Nghĩa Thái thể hiện có ngõ đi. Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải tại cơ sở cũng như giải quyết vụ án, tại biên bản giải quyết đơn khiếu kiện (BL14-15) thì quan điểm của chính quyền địa phương thể hiện tại mục 3 của biên bản đã kết luận “Diện tích của nhà ông Đoan đã chuyển nhượng cho nhà ông Phi đủ diện tích là 650m² và giáp với thửa đất của nhà ông Thái theo hồ sơ năm 1992 và không thể hiện ngõ đi chung nào của nhà ông Phi, ông T” “Hộ ông T nếu tiếp tục sử dụng ngõ đi của nhà ông Thái, ông Rong phải làm biên bản thỏa thuận và được gia đình ông Thái, ông Rong nhất trí thì mới tiếp tục được sử dụng”. Ngoài ra, quá trình tạo lập ngõ đi này thì gia đình nhà bà B tự bỏ kinh phí để tôn tạo sửa chữa, đổ bê tông toàn bộ diện tích ngõ, các hộ xung quanh sử dụng ngõ không phải chi phí cho việc sửa ngõ. Nội dung này phù hợp với lời khai chính gia đình ông T cũng như của những người đã được bà B thuê như ông Lưu Kỳ Mưu, ông Trần Công Đoàn xác nhận (BL105; 106). Quá trình Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, (BL 127) chính quyền cơ sở cung cấp là cạnh phía Nam thửa đất của ông Thái giáp với ông Cường là một đường thẳng chạy từ đường đi của xóm tới đất nhà

ông Khoan, cạnh phía Đông giáp đất ông Rong là một đường thẳng chạy từ Bắc xuống Nam nối với đường tiếp giáp giữa đất ông Cương và ông Cường (đất ông Phi và ông T hiện nay). Bản đồ 2004 xuất hiện ngõ đi giữa đất nhà ông Thái và ông Phi vào tới đất ông T. Trong quá trình sử dụng đất giữa các hộ không có văn bản nào thể hiện hiến đất để hình thành phần ngõ đi này. Ngoài ra so sánh giữa bản đồ 1986 với bản đồ 2004 thì ranh giới thửa đất giữa hộ ông Thái; ông Rong; ông Khoan có sự dịch chuyển, thay đổi. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp lý. Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình ông Lưu Văn T và bà Đỗ Thị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới có liên quan để xác định phần diện tích đất đang tranh chấp là diện tích đất ngõ đi chung. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Văn T và bà Đỗ Thị T là không có căn cứ pháp lý.

[6] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 19-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Văn T và bà Đỗ Thị T.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Xuân Th là người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Văn T và bà Đỗ Thị T và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 54/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

3. Về án phí: Ông Lưu Văn T và bà Đỗ Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Lưu Xuân Th đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0001295 ngày 28-12-2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Ông Lưu Văn T, bà Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Cảnh